

ĐÁP ÁN

Môn: Phân tích hoạt động SXKD trong DNXD

Mã môn học: COBA323719

Ngày thi: 19/4/2024

HK2 NH23-24

ĐỀ 1

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 điểm, mỗi câu đúng 0.25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	X	X				X	X				X	
b				X		X				X		
c					X			X	X			
d	X		X									X

Đối với các câu có 2 đáp án, SV chọn đủ cả 2 đáp án mới được tính điểm.

PHẦN 2: ĐIỀN KHUYẾT (4 điểm)

Nội dung tính	Giá trị tính toán	Đơn vị	Điểm
Tổng chi phí nhân công trực tiếp theo kế hoạch (R_0)	2,640,000	1000đ	0.5
Tổng chi phí nhân công trực tiếp theo thực tế (R_1)	3,091,200	1000đ	0.5
Đối tượng phân tích ΔR	451,200	1000đ	0.125
Mức ảnh hưởng của nhân tố khối lượng (Δq)	176,000	1000đ	0.25
Mức ảnh hưởng của nhân tố thời gian sản xuất (Δn)	128,000	1000đ	0.25
Mức ảnh hưởng của nhân tố đơn giá nhân công (Δu)	147,200	1000đ	0.25
Tổng hợp mức ảnh hưởng:	451,200		0.125

Nhận xét: (1 điểm)

Tình hình chung về tình hình sản xuất kinh doanh là tốt. Tất cả các nhân tố đều đóng góp tích cực và tương đối bằng nhau vào kết quả sản xuất thực tế. **→ 0.5 điểm**

Cụ thể: nhân tố khối lượng tăng và đóng góp 39%, nhân tố thời lượng sản xuất tăng với 28.4%, và nhân tố đơn giá với 32.6%. **→ 0.5 điểm**

Đề xuất giải pháp: (1 điểm)

SV đề xuất 01 giải pháp phù hợp. Trong đó tập trung các giải pháp liên quan đến gia tăng, phát huy nhân tố khối lượng sản xuất trong điều kiện hiện tại sẽ cho kết quả tốt hơn cho kỳ sau.

SV đề xuất giải pháp cụ thể mới được tính điểm. VD: nâng cao năng lực dây chuyền với công suất lớn hơn;...

Giải pháp cụ thể, phù hợp, có lý luận, giải thích/ phân tích **→ 1.0 điểm**

Giải pháp chung chung, chưa có hoặc không đầy đủ về lý luận, phân tích **→ 0.5 điểm**

PHẦN 3: TỰ LUẬN

a. Xác định % thay đổi của EBIT và EPS? Vẽ đồ thị thể hiện sự thay đổi này

PA1: Sử dụng hoàn toàn vốn cổ phần

ĐVT: tỷ đồng

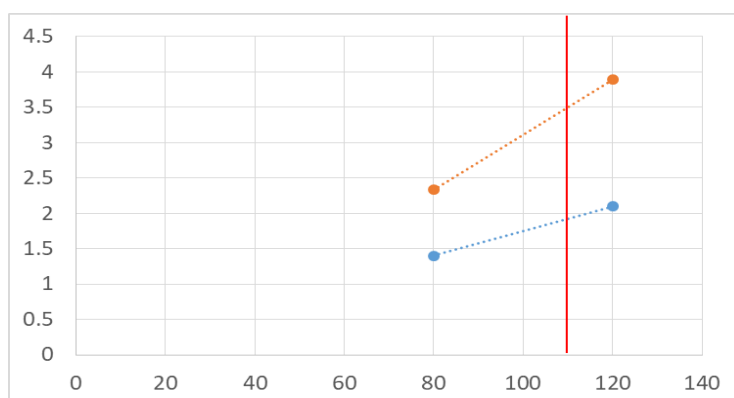
	EBIT = 80	EBIT = 120	Điểm
EBIT	80	120	0.5
Lãi vay	0	0	
EBT	80	120	
Thuế DN (30%)	24	36	
EAT	56	84	
Số cổ phần (triệu cổ phần)	40	40	
EPS	1.4	2.1	
% thay đổi trong EBIT		50%	0.25
% thay đổi trong EPS		50%	0.25

PA2: Tài trợ bằng vay nợ

ĐVT: tỷ đồng

	EBIT = 80	EBIT = 120	Điểm
EBIT	80	120	0.5
Lãi vay	20	20	
EBT	60	100	
Thuế DN (30%)	18	30	
EAT	42	70	
Số cổ phần (triệu cổ phần)	18	18	
EPS	2.333	3.889	
% thay đổi trong EBIT		50%	0.25
% thay đổi trong EPS		67%	0.25

Vẽ đồ thị: (0.5 điểm)



Với mức EBIT ở giữa, tức EBIT = 110 tỷ đồng, ta thấy PA2 tài trợ bằng vay nợ luôn luôn cao hơn PA1 cổ phần → Chọn PA2 để cấu trúc vốn. (0.5 điểm)

b. Tính xác suất lời và xác suất lỗ

- Xác suất lời:

Giá trị lời mong đợi: EBIT = 100 + 10 = 110 tỷ đồng

$Z = (110 - 110)/10 = 0 \rightarrow$ Tra bảng, %EBIT = 50% (0.5 điểm)

- Xác suất lỗ:

Giá trị lỗ với chi trả cổ phần tối thiểu là 18 triệu.

$$Z = (18 - 110)/10 = -9.2 \rightarrow \text{Tra bảng, \%EBIT} = 0 \text{ (0.5 điểm)}$$

.....
ĐỀ 2

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM (3 điểm, mỗi câu đúng 0.25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
a	X	X			X	X			X			
b						X				X		
c			X				X				X	X
d				X	X			X				

Đối với các câu có 2 đáp án, SV chọn đủ cả 2 đáp án mới được tính điểm.

PHẦN 2: ĐIỀN KHUYẾT (4 điểm)

Nội dung tính	Giá trị tính toán	Đơn vị	Điểm
Tổng chi phí nhân công trực tiếp theo kế hoạch (R ₀)	2,640,000	1000đ	0.5
Tổng chi phí nhân công trực tiếp theo thực tế (R ₁)	2,864,400	1000đ	0.5
Đối tượng phân tích ΔR	224,400	1000đ	0.125
Mức ảnh hưởng của nhân tố khối lượng (Δq)	88,000	1000đ	0.25
Mức ảnh hưởng của nhân tố thời gian sản xuất (Δn)	-124,000	1000đ	0.25
Mức ảnh hưởng của nhân đơn giá nhân công (Δu)	260,400	1000đ	0.25
Tổng hợp mức ảnh hưởng:	224,400		0.125

Nhận xét:

Tình hình chung về tình hình sản xuất kinh doanh là tốt. Có các nhân tố đóng góp tích cực vào kết quả sản xuất thực tế là nhân tố khối lượng và nhân tố đơn giá. Còn nhân tố thời gian sản xuất có ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả. → 0.5 điểm

Cụ thể: nhân tố khối lượng tăng và đóng góp 39,2%, nhân tố thời lượng sản xuất gây giảm với -55.3%, và nhân tố đơn giá làm tăng với 116.1%. → 0.5 điểm

Đề xuất giải pháp:

SV đề xuất 01 giải pháp phù hợp. Trong đó tập trung các giải pháp liên quan đến gia tăng, phát huy nhân tố đơn giá hoặc làm giảm nhân tố thời gian sản xuất trong điều kiện hiện tại sẽ cho kết quả tốt hơn cho kỳ sau.

SV đề xuất giải pháp cụ thể mới được tính điểm. VD: thay đổi dây chuyền công nghệ sản xuất, đào tạo tập huấn công nhân với nghề nghiệp, giữ nguyên giá bán...

Giải pháp cụ thể, phù hợp, có lý luận, giải thích/ phân tích → 1.0 điểm

Giải pháp chung chung, chưa có hoặc không đầy đủ về lý luận, phân tích → 0.5 điểm

PHẦN 3: TỰ LUẬN

a. Xác định % thay đổi của EBIT và EPS? Vẽ đồ thị thể hiện sự thay đổi này

PA1: Sử dụng hoàn toàn vốn cổ phần

ĐVT: tỷ đồng

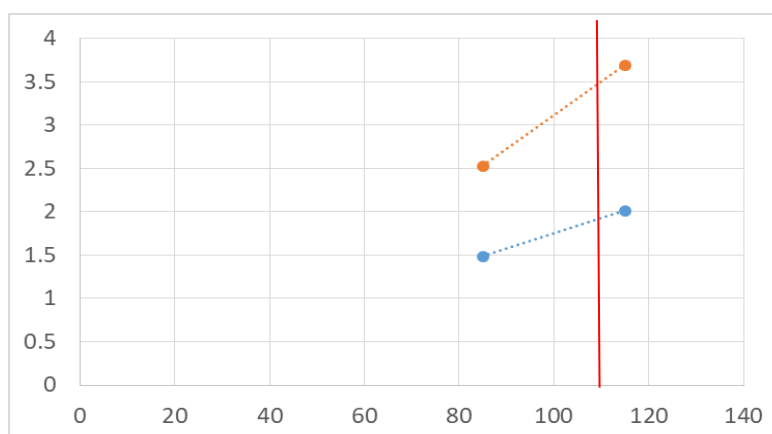
	EBIT = 85	EBIT = 115	Điểm
EBIT	85	115	0.5
Lãi vay	0	0	
EBT	85	115	
Thuế DN (30%)	25.5	34.5	
EAT	59.5	80.5	
Số cổ phần (triệu cổ phần)	40	40	
EPS	1.4875	2.0125	
% thay đổi trong EBIT		35%	0.25
% thay đổi trong EPS		35%	0.25

PA2: Tài trợ bằng vay nợ

ĐVT: tỷ đồng

	EBIT = 85	EBIT = 115	Điểm
EBIT	85	115	0.5
Lãi vay	20	20	
EBT	65	95	
Thuế DN (30%)	19.5	28.5	
EAT	45.5	66.5	
Số cổ phần (triệu cổ phần)	18	18	
EPS	2.528	3.694	
% thay đổi trong EBIT		35%	0.25
% thay đổi trong EPS		46%	0.25

Vẽ đồ thị: (0.5 điểm)



Với mức EBIT ở giữa, tức EBIT = 110 tỷ đồng, ta thấy PA2 tài trợ bằng vay nợ luôn luôn cao hơn PA1 cổ phần → Chọn PA2 để cấu trúc vốn. (0.5 điểm)

b. Tính xác suất lời và xác suất lỗ

- Xác suất lời:

Giá trị lời mong đợi: EBIT = 100 + 10 = 110 tỷ đồng

$Z = (110 - 110)/10 = 0 \rightarrow$ Tra bảng, %EBIT = 50% (0.5 điểm)

- Xác suất lỗ:

Giá trị lỗ với chi trả cổ phần tối thiểu là 18 triệu.

$Z = (18 - 110)/10 = -9.2 \rightarrow$ Tra bảng, %EBIT = 0 (0.5 điểm)